



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

ISSN 2815 - 584X



Số 03-2022

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 03/2022



Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHAN VĂN HIẾU

Phó Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI**

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3822007;

Fax: 0255.3822911

Email: ttudvkhcn-sk@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1:

Ảnh minh họa khoa học và công nghệ
thời 4.0.

Trong số này:

Kinh điển

◆ **Kỷ niệm Ngày Khoa học - Công nghệ Việt Nam:**

✧ Lịch sử ý nghĩa Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5/2022).

DUNG NGUYỄN (TỔNG HỢP) 1

✧ Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

HOÀNG NGỌC 2

✧ Kế hoạch tổ chức xét chọn và tôn vinh danh hiệu “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi”.

MINH NGUYỄN 5

✧ Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

DUNG NGUYỄN 6

◆ **Cải cách hành chính:**

✧ Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ.

PHƯƠNG NGUYỄN 8

✧ Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2021.

NGUYỄN TÚ 10

✧ ISO điện tử: Hướng đến hiện đại hoá nền hành chính.

PHƯƠNG NGUYỄN 12

◆ **Khoa học - Công nghệ và đổi mới sáng tạo:**

✧ Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện Lý Sơn.

ANH KHUÊ 14

✧ Đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo tồn Nhum Sọ ở tỉnh Quảng Ngãi.

ANH KHUÊ 17

✧ Công ty Điện lực Quảng Ngãi thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

PHƯƠNG UYÊN 20

✧ Đầu tư thiết bị công nghệ mới vào sản xuất gia tăng giá trị sản phẩm.

HÀ ANH 22

✧ Xây dựng và phát triển nhãn hiệu đem lại hiệu quả cho sản phẩm địa phương.

MINH PHƯƠNG 24

◆ **Phổ biến kiến thức Khoa học - Công nghệ:** 26

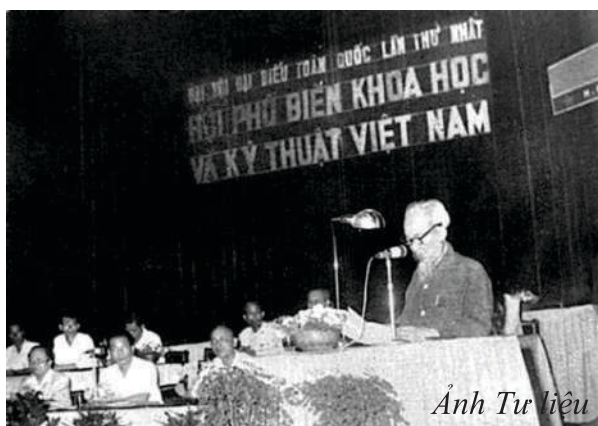
In 650 cuốn khổ 19x27, tại Công ty CP In Việt Phát - 191 Lê Lợi, TP. Quảng Ngãi, ĐT: 0255.3836839 - 0915 444 609

Giấy phép xuất bản số 10/GP-XBBT ngày 27/7/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi

In xong và nộp lưu chiểu tháng 06/2022.

LỊCH SỬ, Ý NGHĨA NGÀY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 5 được xem là cột mốc có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng không chỉ với giới trí thức Khoa học và Công nghệ Việt Nam mà còn trở thành động lực then chốt của sự nghiệp đổi mới và phát triển.



Ảnh Tư liệu

Tại Đại hội Đại biểu Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam toàn quốc lần thứ nhất (tiền thân của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam) ngày 18/5/1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ đến dự và chúc mừng.

Tại sự kiện, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài phát biểu, tổng kết những luận điểm quan trọng nhất về phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta, đồng thời giao nhiệm vụ vừa khó khăn, nhưng lại vừa vinh quang cho giới trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam

Người khẳng định: “Chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học và công nghệ của ta hiện nay còn thấp kém. Lề lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp... Nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải biến những cái đó... Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi... Các cô, các chú phải ra sức đem hiểu biết khoa học và kỹ thuật của mình

truyền bá rộng rãi trong nhân dân lao động, để nhân dân thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ...”.

Học tập và lĩnh hội tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề nêu cao tinh thần, trách nhiệm của cộng đồng xã hội đối với sự nghiệp khoa học công nghệ, tôn vinh quá trình lao động, sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức Việt Nam. Đến ngày 18/6/2013, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIII, Luật Khoa học và Công nghệ được thông qua, thống nhất chọn ngày 18 tháng 5 hàng năm là Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Mục tiêu của Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhằm tuyên truyền rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ; tôn vinh những người làm khoa học, giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của khoa học và công nghệ; động viên thế hệ trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên say mê nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ.

Hằng năm, vào ngày này sẽ có nhiều hoạt động được tổ chức, và là dịp để nâng cao nhận thức và khơi dậy niềm tự hào về trí tuệ Việt Nam, tinh thần đam mê lao động sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước.

Năm 2022, chủ đề Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5): “Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Đẩy nhanh quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội” ■

DUNG NGUYỄN (Tổng Hợp)

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

✍ HOÀNG NGỌC



Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Ảnh minh họa).

Ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST) đến năm 2030. Đây là một trong những văn bản pháp lý quan trọng nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KHCN&ĐMST.

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Chiến lược là nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu và trường đại học, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức trong doanh nghiệp.

Đồng thời, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại vào năm 2030;

tham gia tích cực, hiệu quả và tận dụng lợi thế thương mại, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước; đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì hơn 0,7. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) không ngừng được cải thiện, thuộc nhóm 40

☞ quốc gia hàng đầu thế giới.

Đến năm 2025, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,2-1,5% GDP, trong đó, tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 0,8-1% GDP và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 60-65%. Đến năm 2030, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,5-2% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 1-1,2% và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 65-70%.

Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 10 người trên một vạn dân, đến năm 2030 đạt 12 người trên một vạn dân; trong đó, chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp. Đến năm 2025, có 25 đến 30 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới, đến năm 2030 có 40 đến 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới.

Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng hai lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp...

Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Cụ thể, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia liên kết chặt chẽ với khu vực và thế giới. Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành; trong đó, các doanh nghiệp lớn có vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại

học, tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

Cùng với đó, phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai mạnh mẽ các nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở nhằm thu hút mọi nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước tạo ra các công nghệ mới, sản phẩm mới, hình thành doanh nghiệp mới; tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài nước; hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng, nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc các Sở Khoa học và Công nghệ để trở thành các đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu khác của Chiến lược là phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao. Cụ thể, chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tương lai. Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học). Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành ☞

☞ kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học.

Đồng thời, đầu tư xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao; nhanh chóng xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, từng bước nâng cao tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành tiệm cận với tiêu chuẩn ở các nước phát triển.

Tiếp tục chương trình tuyển chọn, gửi đi đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến.

Triển khai các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo cho đối tượng nhân lực khoa học và công nghệ trong các trường cao đẳng, đại học hướng tới đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Chiến lược chỉ rõ việc thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở rà soát, sửa đổi các quy định nhằm khuyến khích chuyển dịch nhân lực hai chiều giữa khu vực công và tư; có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí và tạo thuận lợi về thủ tục xuất/nhập cảnh, visa, giấy phép lao động... để thu hút nhân lực trình độ cao từ nước ngoài,



Khảo đào tạo tạo truy xuất sản phẩm, hàng hoá cho doanh nghiệp và các cơ quan liên quan.

người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước; phát triển các mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài; có chính sách đưa người Việt Nam vào làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nước ngoài, sau đó trở về nước làm việc; tháo gỡ các chính sách để tạo thuận lợi cho các giảng viên, cán bộ nghiên cứu thường xuyên tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp.

Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu khác để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng được chiến lược đề ra, gồm: Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ khác trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh; phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chủ động đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... ■

Kế hoạch Tổ chức xét chọn và tôn vinh danh hiệu “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi”

✍ MINH NGUYỄN

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 28/02/2022 về việc tổ chức xét chọn và tôn vinh danh hiệu “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi”.

Với mục đích nhằm ghi nhận, tôn vinh, khẳng định vị trí, vai trò các trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) tiêu biểu của tỉnh có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực trong lĩnh vực KH&CN, góp phần thúc đẩy phát triển tỉnh. Tạo điều kiện cho trí thức gặp gỡ, giao lưu, học tập, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm; động viên, khích lệ, khuyến khích mọi tập thể, cá nhân phát huy truyền thống yêu nước, đổi mới sáng tạo; tập hợp, đoàn kết, phát huy trí tuệ đội ngũ trí thức KH&CN tham gia xây dựng tỉnh ngày càng giàu mạnh, văn minh, hiện đại. Nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của việc nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Yêu cầu việc xét chọn và tôn vinh “Trí thức khoa học công nghệ tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi” được thực hiện 02 năm 01 lần, lần thứ nhất từ năm 2022 - 2023; việc xét chọn đảm bảo nguyên tắc công khai, khách quan, công bằng, đúng quy trình, tiêu chuẩn đã quy định; việc tổ chức Lễ tôn vinh trang trọng, thiết thực, hiệu quả, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong đội ngũ trí thức KH&CN và trong xã hội. Các trí thức KH&CN được tôn vinh có trách nhiệm phổ biến, áp dụng các giải pháp sáng kiến, công trình khoa học vào thực tiễn ngày càng phát huy tác dụng, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Theo đó, nội dung cần thực hiện gồm:

Tuyên truyền, thông tin: Tuyên truyền trước, trong và sau Lễ tôn vinh những nội dung cơ bản của Quy chế 1769 và Kế hoạch này ít nhất mỗi quý một lần; thông báo Kế hoạch tổ chức xét chọn ít nhất mỗi tuần 02 lần liên tục trong một tháng ngay sau khi nhận được đề nghị của Liên hiệp Hội; thông báo kết quả xét chọn do Hội đồng xét chọn cung cấp sau 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét chọn, thời gian đăng tải kết quả xét chọn của Hội đồng trong vòng 30 ngày. Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch về tổ chức xét chọn và tôn vinh; thành lập Hội đồng xét chọn, Tổ chuyên viên giúp việc. Xác nhận, cung cấp thông tin, số liệu đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Xác nhận, cung cấp thông tin, số liệu về các cá nhân là chủ trì, chủ nhiệm (hoặc đồng chủ trì, đồng chủ nhiệm) ít nhất 01 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được nghiệm thu đạt loại xuất sắc để làm cơ sở báo cáo cho Hội đồng xét chọn; phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện việc xét chọn, tôn vinh. Tôn vinh, khen thưởng: Thẩm định hồ sơ, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các cá nhân được tôn vinh trước 30 ngày tổ chức Lễ tôn vinh và bố trí kinh phí khen thưởng được trích từ nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng của tỉnh theo quy định; tham gia lựa chọn biểu trưng (Cúp) để tặng cho các cá nhân được tôn vinh. Tổ chức Lễ tôn vinh danh hiệu “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi”: Lễ tôn vinh được tổ chức trực tiếp, trang trọng, thiết thực và hiệu quả; trí thức KH&CN tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi được UBND tỉnh tặng Bằng khen kèm tiền thưởng theo quy định, biểu trưng (cúp) và hoa tươi ■

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CHÀO MỪNG NGÀY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM NĂM 2022

 DUNG NGUYỄN

Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (KH&CN) là ngày hội để tôn vinh những người làm khoa học, giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất. Không những vậy, đây cũng là dịp để nâng cao nhận thức và khơi dậy niềm tự hào về trí tuệ Việt Nam, tinh thần đam mê lao động sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, qua đó góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN trong tương lai.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1988/UBND-KGVX ngày 28/4/2022 về việc tổ chức Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2022 và Hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 779/BKHCN-VP ngày 14/4/2022, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi đã tổ chức chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2022 với các hoạt động như sau:

Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam (18/5) trên các báo, trang thông tin điện tử, thực hiện đăng tải các phóng sự, phim tài liệu về KH&CN trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phát hành số đặc biệt chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam.

Thực hiện treo băng rôn tuyên truyền về Ngày khoa



PGS.TS. Đặng Văn Thanh – Chủ tịch CLB các nhà Công thương Việt Nam tham gia Hội nghị đổi mới công nghệ hướng đến Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư của tỉnh Quảng Ngãi.

học và công nghệ Việt Nam (18/5) tại Sở và đơn vị thuộc Sở. Khẩu hiệu: “Niệt liệt chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5” từ ngày 04 - 20/5/2022.

Đồng thời, tổ chức hàng loạt các sự kiện chào mừng như: Ngày 05/5/2022, tại Hội trường Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức **“Hội nghị đổi mới công nghệ hướng đến Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”** giúp DN có định hướng phù hợp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế trong bối

☞ cảnh Cuộc cách mạng lần thứ tư, phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh;

- Ngày 11/5/2022, Sở KH&CN phối hợp Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội và CLB Đầu tư và Xúc tiến thương mại Việt Nam (VINATIPC) tổ chức **Hội nghị “Sáng tạo, chuyển đổi để bứt phá”** tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 với Chủ đề: *Giải pháp công nghệ về cơ khí chế tạo và tự động hóa trong sản xuất chế biến, phân phối nông, lâm, thủy sản* với mục tiêu nhằm kết nối và hỗ trợ nghiên cứu, phát triển thị trường cho các Doanh nghiệp Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo (ĐMST) thuộc các ngành Nông nghiệp, Lâm Nghiệp và Thủy sản trong tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 12/5/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức **Hội thảo “Hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi - Kết nối, vươn tầm”** với sự tham gia của Cục Phát triển thị trường doanh nghiệp KH&CN; Quỹ Khởi nghiệp doanh nghiệp KH&CN Việt Nam (SVF); Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội; CLB Xúc tiến thương mại và đầu tư doanh nhân trẻ Việt Nam(VINATIPC); Tập đoàn công nghiệp Viễn thông quân đội tại Quảng Ngãi; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại Quảng Ngãi;



Hội nghị “Sáng tạo, chuyển đổi để bứt phá” tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 .

Hội đồng Phát triển Kinh tế Châu Âu (EEDC); Công ty Cổ phần công nghệ ARI; Công ty cổ phần công nghệ IoT Đại Việt; Trung tâm KNĐMST Thừa Thiên Huế; đại diện lãnh đạo các Sở ban ngành; UBND thành phố, các huyện, và các doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh... với mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có sức sống, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa các yếu tố trong hệ sinh thái, trong đó trọng tâm là kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và các doanh nghiệp thành công trên địa bàn tỉnh từ đó hỗ trợ thúc đẩy hoạt động KHĐMST một cách mạnh mẽ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Ngày 18/5/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức **Tọa đàm về cải cách hành chính năm 2022** nhân Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5 với mục đích: Duy trì chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ đạt thứ hạng cao trong топ đầu của sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Ngày 20/5, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển (IDE) tổ chức **Khoá đào tạo truy xuất sản phẩm, hàng hoá** cho các Sở, ngành có liên quan; phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nhằm trang bị kiến thức về mã số, mã vạch (MSMV), truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ■

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022 CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

✍ PHƯƠNG NGUYỄN

Thực hiện Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính (CCHC) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và theo Công văn số 305/HD-STTTT ngày 15/3/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn công tác tuyên truyền CCHC năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành Kế hoạch số 272/KH-SKHCN ngày 15/3/2022 Tuyên truyền CCHC năm 2022.

Theo đó, Kế hoạch tuyên truyền nhằm mục đích:

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hiện đại hóa nền hành chính theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả, đảm bảo tính liên thông, đồng bộ, thống nhất qua đó tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Triển khai tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về tính cấp thiết phải



Tọa đàm về cải cách hành chính năm 2022 nhân Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5.

đẩy mạnh CCHC nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính.

Tổ chức tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng.

Nội dung tuyên truyền chủ yếu như sau:

1. Tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về triển khai thực hiện các nội dung công tác CCHC...

2. Tuyên truyền các nội dung về công tác CCHC:

- Công tác chỉ đạo, điều hành: Tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện công tác CCHC ở từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước làm thước đo hiệu quả công tác CCHC.

+ Việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

+ Việc triển khai áp dụng thí điểm các sáng kiến, mô hình cải cách mới và các giải pháp có tính đột phá để nâng cao hiệu quả, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện CCHC tại cơ quan, đơn vị.

- Công tác cải cách thể chế: Tuyên truyền các quy định

☞ của pháp luật về xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở các phòng, ban, đơn vị nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi trong công tác hoàn thiện và xây dựng văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

- Công tác cải cách TTHC: Tuyên truyền việc ban hành các quy định về cải cách TTHC, kiểm soát TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; số hóa kết quả TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

- Công tác cải cách tổ chức bộ máy: Tuyên truyền việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

- Tuyên truyền về cải cách chế độ công vụ: Tuyên truyền kết quả xây dựng lại Đề án vị trí việc làm theo quy định của Chính phủ; gắn thực hiện tinh giản biên chế với cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; về kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có sai phạm.

- Cải cách tài chính công: Tuyên truyền việc thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý tài chính ngân sách, quản lý sử dụng tài sản công; việc thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính theo Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai

đoạn 2017 - 2025.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền các kết quả hoạt động về ứng dụng công nghệ trong quá trình điều hành và phát triển kinh tế xã hội trong năm 2022, cụ thể:

- Tuyên truyền xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số: Tuyên truyền nội dung Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước; giảm chi phí và thời gian xử lý công việc. Phát triển, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc ứng dụng chữ ký số trong gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; việc thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định; đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số, số hóa kết quả giải quyết TTHC; cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi; phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022; kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính qua môi trường

(Xem tiếp trang 16)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021

✍ NGUYỄN TÚ



Cải cách hành chính tạo ra những thay đổi trong các yếu tố cấu thành của nền hành chính, làm cho các cơ quan hành chính nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn để phục vụ người dân tốt hơn.

Năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính vào mọi hoạt động của Sở và đem lại kết quả trong thực hiện công việc.

Trong hoạt động cải cách thủ tục hành chính (TTHC), Sở đã xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021 theo Quyết định số 24/QĐ-SKH&CN ngày 25/02/2021; thường xuyên theo dõi, cập nhật quy định pháp luật về TTHC do các cơ quan Trung ương ban hành, văn bản công bố TTHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về TTHC để trình tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải

quyết của Sở cho phù hợp. Trình tỉnh ban hành Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc công bố Danh mục TTHC được thay thế, Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân, hoạt động KH&CN, tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 về việc phân cấp cho Sở cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán ☞

☞ trong y tế, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X - quang chẩn đoán y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh và tham mưu triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định. Thực hiện niêm yết công khai 65 TTHC, trình tự, thời gian giải quyết các TTHC tại Sở, các đơn vị thuộc Sở và đăng tải toàn bộ nội dung 65 TTHC lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang Thông tin điện tử thành phần của Sở; thực hiện niêm yết công khai Bảng thông báo tiếp nhận phản ánh và kiến nghị về quy định hành chính tại bảng thông báo của Sở, các đơn vị thuộc Sở và đăng tải trên Trang Thông tin điện tử thành phần của Sở. Ban hành Kế hoạch số 176/KH-SKHCN ngày 25/02/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 và tiến hành rà soát để trình tỉnh phê duyệt Danh mục TTHC được rút ngắn 30% thời gian giải quyết so với quy định pháp luật đối với các TTHC có thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc là các TTHC thuộc lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân. Bố trí trang thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết, nhân lực để phục vụ cho Bộ phận một cửa, hoạt động tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” tại Sở được duy trì ổn định và đạt hiệu quả. Tiếp nhận 153 hồ sơ (trong đó trực tuyến 61 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua 17 hồ sơ và trực tiếp 75 hồ sơ); thực hiện giải quyết, trả kết quả sớm và đúng hạn 140 hồ sơ, trễ hạn 01 hồ sơ, 04 hồ sơ xin rút, 03 hồ sơ trả lại, 12 hồ sơ đang xử lý chưa đến hạn trả kết quả; tiếp nhận 01 hồ sơ liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của tỉnh và đã tham mưu thực hiện trả kết quả đúng hạn đối với hồ sơ này. Trong năm, không có đơn thư kiến nghị cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

Về hoạt động xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của Sở. Vận hành phần mềm iOffice vào hoạt

động của cơ quan, đáp ứng yêu cầu công tác, phát huy hiệu quả quản lý văn bản, điều hành nội bộ góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn tài liệu, lưu trữ, tìm kiếm văn bản thuận tiện trong trao đổi thông tin công việc, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở, triển khai mạng LAN và mạng internet đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin nhanh chóng, chính xác. Tăng cường trao đổi thông tin qua hộp thư điện tử của tỉnh; Trang thông tin điện tử của Sở được xây dựng, đi vào hoạt động phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Sở. Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT và các trang thiết bị đáp ứng việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3, 4. Có 61/153 hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3, đạt 39,9% so tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết; 03/11 TTHC cung cấp DVCTT có phát sinh hồ sơ, đạt 27% so tổng số TTHC cung cấp DVCTT; ban hành 2.520 văn bản gồm 2.210 văn bản điện tử và 300 văn bản giấy. Triển khai và duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; triển khai áp dụng HTQLCL ISO 9001:2015 tại Sở và Chi cục nâng cao tính minh bạch và công khai các TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân liên hệ giải quyết công việc tại Sở; trên địa bàn tỉnh có 45/45 cơ quan hành chính nhà nước thuộc đối tượng phải xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 đạt 100%, 173/173 UBND cấp xã hoàn thành chuyển đổi, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đạt 100%.

Ngoài ra, Sở thực hiện cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ, công chức; cải cách tài chính công với nhiều công việc được triển khai hiệu quả.

Có thể thấy rằng, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính đã góp phần tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành của Sở và đem lại tiện ích cho các cơ quan, tổ chức và người dân trong giải quyết TTHC ■

ISO ĐIỆN TỬ: HƯỚNG ĐẾN HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH

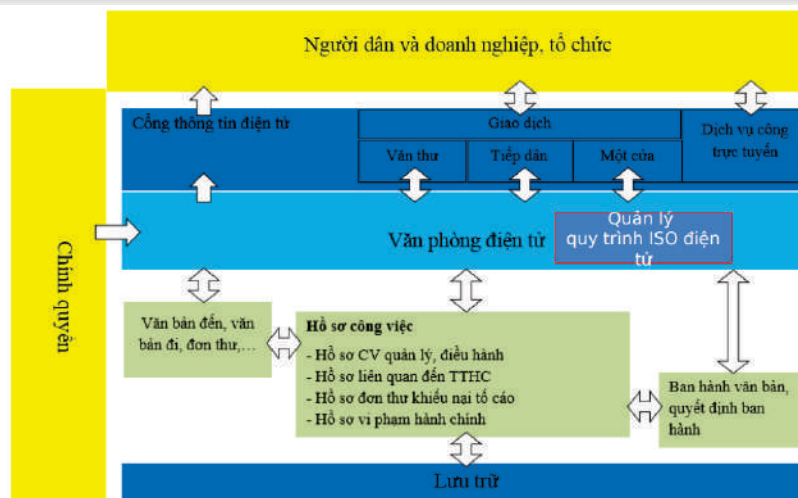
✍ PHƯƠNG NGUYỄN

Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo phương pháp thủ công như hiện nay lệ thuộc quá nhiều vào ý thức chủ quan của người vận hành hệ thống, mặt khác tốn rất nhiều công sức trong việc kiểm tra soát xét, nhập dữ liệu,... và một lỗi thường xuyên xảy ra là người đứng đầu cơ quan, đơn vị hành chính khó có thể kiểm soát chất lượng chi tiết đến từng chuyên viên của mình. Vì vậy, đòi hỏi cấp thiết hiện nay là phải áp dụng hệ thống quản lý ISO hành chính điện tử. Tại đó, tất cả các quy trình tác nghiệp đều được chuẩn hóa, thống nhất, tự động hóa,... mà không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của những người tham gia thực hiện quy trình. Khi thực hiện ISO hành chính điện tử, thì ngay cả người dân cũng có thể tham gia kiểm soát chất lượng dịch vụ hành chính công và kết quả thực hiện công việc của từng chuyên viên.

Tính đến nay toàn tỉnh có 216 cơ quan hành chính nhà nước đã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, trong đó có 43 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 173 UBND cấp xã.

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian qua đã đem lại được những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy công tác cải cách hành chính tại cơ quan, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch.

Tuy nhiên, quản lý ISO



Mô hình tổng thể ISO điện tử.

bằng hình thức thủ công có 4 nhược điểm chính: Thứ nhất, việc kiểm soát thông tin thủ công, chỉ những người trong quy trình mới biết được tình trạng thực hiện công việc của các công đoạn trước thông qua phiếu kiểm soát ISO; không thể tra cứu và tổng hợp thông tin về tình trạng công việc; Thứ hai, tài liệu về ISO rất nhiều, rất mất thời gian, công sức để tìm kiếm thông tin, dữ liệu phục vụ trong lĩnh vực của mình; Thứ ba, hệ thống văn bản pháp luật của nền hành chính luôn thay đổi dẫn đến các quy trình, hướng dẫn và biểu mẫu được soạn thảo khi xây dựng ISO sẽ nhanh chóng

lạc hậu, không theo kịp thực tế cần phải mất nhiều thời gian để cập nhật sửa đổi vào hệ thống tài liệu. Thứ tư, khó có thể kiểm soát thường xuyên việc thực hiện theo đúng ISO hay không nên có nhiều cơ quan, đơn vị thì ISO chưa phát huy được hiệu quả trong thực tế.

ISO hành chính điện tử chính là ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý hệ thống các quy trình ISO và hỗ trợ xử lý nghiệp vụ cần thiết cho các cơ quan, đơn vị hành chính.

Ưu điểm của hình thức này là ISO được xây dựng mặc định trong hệ thống gồm: Quy trình công việc, nội dung thực hiện, thời gian quy định cho từng công đoạn; biểu mẫu được kết xuất tự động mang tính thống nhất, chuẩn hóa. Tiến trình công việc sẽ tự động được ghi nhận và kết xuất ra dưới hình thức biểu mẫu hoặc bảng tổng hợp. Ở bất cứ thời điểm nào, bất cứ vị trí nào, khi được phân quyền là có thể tra cứu hoặc tổng hợp thông tin chi tiết nhiều chiều, nhiều dữ kiện khác nhau. Điều đó giúp chuyên viên nắm được khối lượng và thời gian thực hiện công việc, lãnh đạo các cấp nắm được kết quả thực hiện chi tiết đến từng chuyên viên, từng phòng ban/bộ phận và cả bộ máy thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

Khắc phục các khuyết điểm của ISO thủ công (bản giấy), ISO điện tử rất dễ dàng cập nhật những thay đổi về quy trình và biểu mẫu nhằm đáp ứng biến động thực tế. Khi có thay đổi, việc phổ cập quy trình mới, biểu mẫu mới được thực hiện hoàn toàn tự động. Mặt khác, với ISO điện tử, việc công bố thông tin cho người dân trở nên dễ dàng và hoàn toàn tự động. Người dân có thể tham gia kiểm soát chất lượng và kết quả công việc chi tiết đến từng chuyên viên.

Phần mềm ISO điện tử được các tỉnh áp

dụng có 2 phân hệ chính là phân hệ “Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến” và phân hệ “Quản lý chất lượng ISO trực tuyến”. Phân hệ “Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến” giúp tổ chức, cá nhân có thể truy cập hoặc nộp hồ sơ mọi lúc, mọi nơi thông qua mạng Internet. CBCC của cơ quan quản lý theo dõi chặt chẽ tiến độ xử lý công việc, khi cần thiết thông kê báo cáo dễ dàng và nhanh chóng. Phân hệ “Quản lý chất lượng ISO trực tuyến” giúp quản lý các quy trình ISO đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị. Phân hệ này giúp tin học hóa các quy trình khung của ISO; các thông tin quản lý ISO đều được mẫu hóa theo quy định.

Việc gắn 2 phân hệ này với nhau đã hỗ trợ rất lớn trong quá trình đánh giá chất lượng TTHC tại cơ quan, đơn vị. Theo đó, áp dụng ISO điện tử tiết kiệm được thời gian cũng như công sức làm việc của đội ngũ cán bộ công chức phụ trách quản lý ISO. Tiến trình công việc sẽ tự động được ghi nhận và tự động trích xuất các kết quả dưới hình thức biểu mẫu hoặc các bảng tổng hợp. Ở bất cứ thời điểm nào, bất cứ vị trí nào khi có quyền truy cập là có thể tra cứu được thông tin chi tiết hoặc tổng hợp với nhiều chiều, nhiều dữ liệu khác nhau; giúp lãnh đạo nắm được kết quả thực hiện công việc chi tiết đến từng nhân viên, từng phòng, đơn vị và cả bộ máy thuộc quyền quản lý của mình.

Chính vì những ưu điểm nêu trên, việc xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống ISO điện tử vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian tới nếu được triển khai sẽ góp phần tích cực trong việc thực hiện xây dựng chính quyền điện tử nói riêng và cải cách hành chính của tỉnh nhà nói chung ■

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU 4D PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHO HUYỆN LÝ SƠN

✍ ANH KHUÊ

Sau 2 năm triển khai, kết quả đề tài “Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ cho phát triển du lịch huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi” đã góp phần nâng cao khả năng quảng bá du lịch của địa phương và hỗ trợ các ban ngành có liên quan trong công tác quản lý và phát triển du lịch.

Lý Sơn là huyện duy nhất của tỉnh Quảng Ngãi có du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Tuy nhiên, hiện nay tại huyện đảo Lý Sơn các thông tin phục vụ du lịch cũng như hệ thống thông tin về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội vẫn còn chưa hệ thống hóa, phân tán ở nhiều nơi, đặc biệt là các thông tin gắn với bản đồ hay cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác phát triển du lịch còn thiếu đồng bộ. Vì vậy, việc tập hợp, xử lý, khai thác và sử dụng những nguồn thông tin này còn nhiều khó khăn. Do vậy, Đại học Huế đã đăng ký thực hiện đề tài: “Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ cho phát triển du lịch huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”

Trong 2 năm triển khai,



Giao diện App “Khám phá Lý Sơn”.

đề tài đã thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến cơ sở dữ liệu về du lịch và đánh giá hiện trạng hạ tầng hệ thống thông tin quảng bá du lịch của huyện đảo Lý Sơn. Qua kết quả khảo sát thực địa cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, đề tài đã thu thập thông tin 135 cơ sở lưu trú hiện đang hoạt động

☞ trên địa bàn huyện Đảo Lý Sơn, gồm: 60 homestay, 4 nhà trọ, 54 nhà nghỉ, và 17 khách sạn. 52 cơ sở dịch vụ thiết yếu: Ăn uống, nhà hàng, cà phê, siêu thị... Từ đó, đối sánh với dữ liệu thống kê đã thu thập và dữ liệu thu thập được ở Phòng Văn hóa huyện Lý Sơn để thống nhất danh sách các điểm cần bay chụp. Sử dụng thiết bị bay không người lái (UAV) để scan 3D các điểm/công trình homestays, ngân hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng... Một số điểm/công trình có mặt khuất không bay chụp được sẽ tiến hành đo đạc thực tế và chụp ảnh bề mặt. Đưa dữ liệu scan 3D, đo đạc, ảnh chụp vào GIS để xây dựng CSDL 3D. Tạo dữ liệu 4D bằng cách cập nhật dữ liệu VR 360 theo thời gian. Viết chương trình ứng dụng trên điện thoại thông minh nhằm phục vụ việc quảng bá du lịch cho huyện đảo Lý Sơn.

Th.S Nguyễn Quang Huy, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế cho biết: Cơ sở dữ liệu 4D dựa trên nền tảng công nghệ hệ thống thông tin địa lý (GIS) và phát triển thêm công nghệ 3D dưới sự hỗ trợ công nghệ 4.0 sẽ tăng cường sự kết nối, tương tác tốt hơn, chân thật hơn với người dùng. Cơ sở dữ liệu 4D đáp ứng cho trình diễn phối cảnh, cung cấp thông tin không gian sáng tạo, trực quan, ứng dụng app trên điện



Nhóm thực hiện đề tài tiến hành công tác thu thập dữ liệu

thoại thông minh để hỗ trợ cho phát triển du lịch ở huyện đảo Lý Sơn. Ngoài ra, các dữ liệu 4D này xác định được cấp độ chi tiết, mô tả đầy đủ về các thông tin, đặc điểm, chức năng của các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, các địa điểm du lịch, các loại ranh giới giao thông cũng như ranh giới hành chính của đảo phục vụ cho việc nghiên cứu, đồng thời có thể ứng dụng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng đô thị, cảnh quan; ứng dụng trong giáo dục di sản....

Trên cơ sở dữ liệu 4D, nhóm đề tài đã thiết kế App “Khám phá Lý Sơn” trên nền tảng điện thoại di động phổ biến hiện nay là Ios và Android. Du khách có thể tải ứng dụng bằng cách truy cập vào trang web của ứng dụng: <http://khamphalyson.net>, chọn mục tải ứng dụng, nhấn vào nền tảng di động mà du khách đang dùng. Trang chủ của ứng dụng giới thiệu các tính năng mà du khách có thể sử dụng, bao gồm: Tiện ích xem Thời tiết; Tiện ích xem lịch trình Tàu thuyền đi lại giữa đảo và đất liền; Tiện ích khám phá các Đặc sản và Ẩm thực tại địa phương thông qua các bài viết PR; Chức năng tham quan các Địa điểm trên đảo.

Bà Nguyễn Thị Nga, Chủ khách sạn Hưng Thịnh, ở thôn Đông An Vĩnh cho biết: Qua đợt tập huấn về kỹ thuật khai thác dữ liệu trên App “Khám phá Lý Sơn”, tôi thấy ứng dụng này vô cùng tiện ích cho cả đơn vị cung cấp dịch vụ và cả du khách. Với App này, chúng tôi có thể cung cấp đầy đủ những hình ảnh, thông tin về các dịch vụ của cơ sở mình. Qua đó, du khách có thể biết được các thông tin cụ thể về khách sạn, các dịch vụ khách sạn cung cấp, vị trí của khách sạn, số điện thoại để liên hệ trực tiếp; đặc biệt du khách cũng có thể tìm đường tới khách sạn bằng tính năng chỉ đường Google map, trải nghiệm hình ảnh thực tế ảo VR hoặc hình



PGS.TS. Huỳnh Văn Chương, Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế trao giấy chứng nhận chuyển giao sản phẩm khoa học cơ sở dữ liệu 4D cho lãnh đạo UBND huyện Lý Sơn.

ảnh 360° của khách sạn và đánh giá, bình luận về nơi lưu trú...

Ông Lê Văn Ninh, Phó Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn cho biết: Qua thời gian tiếp nhận vận hành và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu 4D, chúng tôi thấy

rằng cơ sở dữ liệu này rất thuận lợi cho người dân, du khách tìm hiểu về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các dịch vụ du lịch tại huyện đảo. Trong thời gian đến, để phát huy hiệu quả sản phẩm cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch của huyện, UBND huyện sẽ chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin là cơ quan chủ trì phối hợp với các ngành chức năng của huyện ban hành quy chế hoạt động, vận hành, khai thác sử dụng các sản phẩm của đề tài; thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; các di tích lịch sử, các sự kiện, danh lam thắng cảnh, sản phẩm du lịch... tạo điều kiện thuận lợi cho du khách truy cập, tìm hiểu thông tin về Lý Sơn ■

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH ...

(Tiếp theo trang 9)

mạng, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Tuyên truyền quá trình đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan nhà nước hướng tới hình thành hạ tầng số cho Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh; việc xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

- Tuyên truyền công tác sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành đảm bảo kết nối liên thông thông suốt để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử tới các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số

chuyên dùng trong cơ quan nhà nước.

- Việc xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Tuyên truyền kết quả xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số CCHC (PAR Index); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong năm 2022.

4. Tuyên truyền việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã ■

ĐÁNH GIÁ NGUỒN LỢI VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO TỒN NHUM SỌ Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

 ANH KHUÊ

Nhum sọ (còn gọi là cầu gai) có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao. Tuy nhiên, loài thủy sản này đang bị khai thác quá mức. Để bảo vệ loài thủy sản này, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Lý Sơn phối hợp với Viện Hải dương học tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng nguồn lợi nhum sọ; qua đó đề xuất giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững nhum sọ trên vùng biển của tỉnh.

Nguồn lợi nhum sọ ở Quảng Ngãi

Tại huyện đảo Lý Sơn và một số huyện ven biển như Bình Sơn, Đức Phổ thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nhum biển sống rất nhiều ở vùng nước nông, bãi triều. Tuy nhiên, trong vài năm gần đây lượng khách du lịch đến với Lý Sơn nói riêng và Quảng Ngãi nói chung tăng lên đáng kể, nên nhu cầu tiêu thụ nhum biển như là đặc sản tại địa phương ngày càng tăng. Nhum biển trở thành đặc sản phục vụ ẩm thực cho du khách đến với Quảng Ngãi, giá nhum biển hiện nay khoảng 30.000 – 40.000 đồng/con. Nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách, người dân địa phương khai thác nhum biển một cách ào ạt, làm cho sản lượng nhum biển tại Quảng Ngãi rất thưa thớt và có khả năng mất dần.

Để đánh giá thực trạng nguồn lợi nhum sọ hiện có trên địa bàn tỉnh, qua đó đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển loại thủy sản này, đề tài đã tiến hành điều tra



Thành viên đề tài khảo sát khu vực phân bố nhum sọ ở vùng biển tỉnh Quảng Ngãi.

điều kiện sinh thái, phân bố và hiện trạng khai thác nhum sọ ở vùng biển Quảng Ngãi. ThS.Nguyễn Phi Uy Vũ, Trung tâm Tư vấn ứng dụng và chuyển giao KH&CN Biển - Viện Hải Dương học cho biết: Đề tài đã tiến hành 03 chuyến khảo sát ở vùng biển Quảng Ngãi, xác định được mật độ phân bố của nhum sọ ở vùng biển toàn tỉnh trung bình đạt 98 con/1000m². Cao nhất ở vùng biển Lý Sơn, bình quân 132 con/1000m². Dựa vào phương pháp diện tích và số liệu khảo sát trong vùng nghiên cứu, đã xác định được trữ lượng tức thời của nhum sọ ở vùng biển Quảng Ngãi ước tính vào khoảng 5,7 triệu con. Trong đó, vùng biển Lý Sơn có trữ lượng ước tính gần 3,0 triệu con, vùng biển huyện Bình Sơn 1,0 triệu con, vùng biển Đức Phổ khoảng 1,6 triệu con. Qua khảo sát thấy rằng, nhum sọ là loài sống ở đáy biển, chỗ có đá và dưới rạn san hô, từ vùng giữa triều trở lại, khu vực đá vụn và vùng rạn san hô trong các đầm phá, độ sâu phân bố 0 -75m. Thường bắt gặp chúng sống ở vùng triều, dưới triều, trong các thảm cỏ biển vùng nước nông, độ sâu 01-30m.



Thành viên đề tài khảo sát khu vực phân bố nhum sọ ở vùng biển Lý Sơn

Ban ngày chúng vùi trong cát bùn, ban đêm ra hoạt động nhờ vào các chân ống và các gai vận động và tiến hành bắt mồi nhờ vào bộ phận nhai nuốt... Là loài ăn tạp, thức ăn là các loài tảo, cỏ biển, tảo cát và mô san hô.

Mô hình nuôi thử nghiệm nhum sọ

Từ kết quả nghiên cứu đặc điểm sinh học và sinh thái của Nhum sọ tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi, đề tài đã xây dựng mô hình nuôi nhum sọ trong giàn bè tại hộ ông Huỳnh Ngọc Thảo ở thôn Đông, xã An Hải, huyện Lý Sơn. Giàn bè có diện tích 50m², gồm 54 lồng, được tận dụng từ bè nuôi cá bóp. Lồng nuôi được thiết kế hình chữ nhật dài 60cm, rộng 40 cm, sâu 2m. Mật độ nhum sọ thích hợp được lựa chọn cho mô hình nuôi thử

nghiệm 2.000 con. Con giống được thu ngoài tự nhiên, kích cỡ thả nuôi từ 2 - 4mm. Sau 8 tháng thả nuôi, nhum phát triển tốt, chưa phát hiện bệnh trên nhum nuôi nên không tốn chi phí thuốc phòng trị bệnh. Trọng lượng trung bình của nhum nuôi sau 10 tháng đạt $115,3 \pm 13,1$ g. Nhum sọ được nuôi bởi mô hình có sự tăng trưởng và phát triển rất tốt, ít tốn công chăm sóc, không tốn chi phí thuốc phòng trị bệnh, tỉ lệ sống cao đạt 86%.

Ông Huỳnh Ngọc Thảo cho biết: Sau thời gian thả nuôi, nhum thích nghi với môi trường giàn bè và phát triển tốt, nguồn thức ăn cũng rất dễ tìm chủ yếu là rong mơ. Hiện nay giá thành mỗi con nhum thành phẩm từ 10.000 - 20.000



Thu hoạch nhum sọ nuôi trong lồng bè hộ ông Huỳnh Ngọc Thảo.

đồng/con. Thịt nhum thành phẩm có giá bán từ 250.000 - 300.000 đồng/kg. Trừ chi phí, mô hình lãi khoảng 35 - 40 triệu đồng. Thấy hiệu quả nên một số anh em cùng làm tính đóng thêm bè để nuôi thêm vì con giống dễ mua và thức ăn cũng dễ tìm mà lại không tốn nhiều thời gian chăm sóc.

Ông Đặng Tấn Thành, Phó Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn cho biết: Kết quả đem lại của mô hình đã khẳng định việc nuôi và phát triển con nhum mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, nhum phát triển tốc độ tương đối khá, chất lượng đáp ứng được nhu cầu cho người tiêu dùng. Việc nuôi thương phẩm nhum sọ phục vụ cho nhu cầu khách du lịch ngày càng tăng như hiện nay sẽ giúp bà con phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và góp phần bảo tồn và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản của địa phương.

Đề xuất giải pháp bảo tồn nhum sọ ở tỉnh Quảng Ngãi

ThS.Nguyễn Phi Uy Vũ, Trung tâm Tư vấn ứng dụng và chuyển giao KH&CN Biển - Viện Hải Dương học cho rằng: Hiện nay, tại vùng biển Lý Sơn nói riêng và vùng biển ven bờ tỉnh Quảng Ngãi nói chung, việc khai thác các cá thể nhum sọ nhỏ, chưa đến tuổi trưởng thành còn khá phổ biến. Vì vậy, để bảo vệ bảo vệ, phát triển và



Nhum sọ sau 5 tháng nuôi tại mô hình đường kính vỏ trên 6,5 cm, trứng đã bắt đầu đầy ruột.

khai thác bền vững nguồn lợi nhum sọ, đề tài đề xuất một số giải pháp như sau: *Giải pháp về kỹ thuật*, để bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững Nhum sọ cần được phân chia thành các vùng như sau: Vùng khai thác hợp lý: Ở vùng biển này, hoạt động khai thác nhum sọ cần tuân thủ các quy định của pháp luật, kích thước khai thác nhum sọ trên 63,39 mm (đường kính vỏ); Vùng bảo vệ theo mùa: Mùa vụ khai thác được khuyến nghị là từ tháng 11 đến tháng 4 hàng năm (mùa sinh sản cao điểm của Nhum sọ), thời gian còn lại trong năm cần hạn chế khai thác nhằm đảm bảo sự tái tạo đàn, sự phát triển của nhum con; Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Cấm hoạt động khai thác Nhum sọ ở khu vực này trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 4 hàng năm, nhằm duy trì nguồn Nhum sọ bố mẹ, nhum giống phục vụ công tác bảo vệ, bảo tồn. *Về chính sách quản lý*: Triển khai nhân rộng mô hình nuôi nhum sọ thương phẩm ở những vùng biển phù hợp trong địa bàn tỉnh Quảng Ngãi dựa trên kết quả bước đầu của mô hình nuôi thử nghiệm nhum sọ thương phẩm. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị chuyên môn nghiên cứu sản xuất giống nhum sọ, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn giống nuôi thương phẩm và phục hồi tái tạo nguồn lợi. Xây dựng mô hình quản lý cộng đồng nguồn lợi nhum sọ một cách hiệu quả, nhân rộng và phổ biến các mô hình thành công. *Tuyên truyền giáo dục cộng đồng*, thường xuyên mở các lớp tập huấn, hội thảo để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và cộng đồng về sự cần thiết và các biện pháp bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản nói chung và bảo vệ nguồn lợi nhum sọ nói riêng ■

CÔNG TY ĐIỆN LỰC QUẢNG NGÃI THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

✍ PHƯƠNG UYÊN

Thời gian qua, Công ty Điện lực Quảng Ngãi (QNPC) đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ cũng như công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đem lại kết quả trong công tác quản lý vận hành, quản lý kỹ thuật (QLKT), kinh doanh dịch vụ khách hàng.

Trong quản lý vận hành hệ thống điện, Công ty đã đưa Trung tâm điều khiển vào vận hành để giám sát tất cả các trạm biến áp 110 kV không người trực và điều khiển gần 250 thiết bị đóng cắt trên toàn tỉnh mang lại hiệu quả, nâng cao chất lượng cung cấp điện năng và độ tin cậy, an toàn trong công tác quản lý vận hành và nâng cao năng suất lao động. Thông qua ứng dụng GIS để xây dựng phần mềm Thu thập thông tin hiện trường, vẽ sơ đồ mặt bằng lưới điện trên nền tảng GIS và kiểm tra hiện trường thông qua phần mềm di động... Sử dụng công nghệ sửa chữa điện nóng hotline nhằm giảm thời gian mất điện cho khách hàng. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu, các mảng công

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu trong thời kỳ cách mạng số 4.0 nhằm ứng dụng những tiến bộ về công nghệ số vào mọi hoạt động của tổ chức và doanh nghiệp để đem lại hiệu suất cao trong công việc và thúc đẩy phát triển doanh thu và thương hiệu bởi trên thực tế chuyển đổi số đóng vai trò làm thay đổi tư duy kinh doanh, phương thức điều hành, văn hóa tổ chức.



Trung tâm điều khiển SCADA Công ty Điện lực Quảng Ngãi.

tác như: QLKT (có phần mềm PMIS), kinh doanh dịch vụ khách hàng (có phần mềm CMIS); Đầu tư (có phần mềm IMIS), Tài chính – Vật tư (có phần mềm ERP); quản lý nhân sự (có phần mềm HRMS);... Với hệ thống EOffice, Công ty đã triển khai hệ thống ký số, văn phòng không giấy, ứng dụng triệt để họp hội nghị truyền hình nên giảm được rất nhiều chi phí liên quan đến giấy tờ và chi phí đi lại.

Trong hoạt động kinh doanh dịch vụ khách hàng, với hệ thống đo đếm thông minh, đến nay đã có trên 80% công tơ điện tử được lắp trên lưới, việc ghi điện được thực hiện từ xa qua thiết bị cầm tay HHU, qua chương trình đo xa MDMS, RF-Spider đã theo dõi, phân tích số liệu chính xác, thuận lợi, nâng cao năng suất lao động và qua trang web <http://spider.cpc.vn/>, khách hàng theo dõi, kiểm soát được



Trạm biến áp 110kV VSIP Quảng Ngãi.

sản lượng sử dụng hàng giờ, hàng ngày, giúp điều chỉnh thời gian sử dụng điện hợp lý, tiết kiệm. Đa dạng hóa các kênh thông tin dịch vụ khách hàng, nhờ đó khách hàng có thể liên lạc để được cung cấp các dịch vụ về điện thông qua Trung tâm chăm sóc khách hàng 19001909; qua email cskh@cpc.vn; qua App chăm sóc khách hàng tải trên Smartphone; qua website: qnpc.cpc.vn và qua cổng Thông tin dịch vụ công Quốc gia. Bên cạnh đó, ngành Điện đã sử dụng thành công hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc, đồng thời là đơn vị duy nhất đến nay không phải là cơ quan cung cấp dịch vụ công, nhưng đã hoàn thành dịch vụ trực tuyến tương đương dịch vụ công cấp độ 4.

Năm 2021, QNPC đã quyết tâm cao từ lãnh đạo đến mỗi nhân viên thay đổi nhận thức để thực hiện thành công quá trình chuyển đổi số nhằm đảm bảo mục tiêu vừa hướng tới cung cấp dịch vụ điện một cách hiện đại, công khai, minh bạch, dễ dàng và thuận tiện cho người dân vừa phải hỗ trợ nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và quản trị của ngành. Với mục tiêu đặt ra, trong năm, công tác quản lý vận hành đã khai thác hiệu quả

hơn hệ thống quản lý lưới điện phân phối SCADA/DMS tại QNPC, hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu để tính toán, ứng dụng vào thực tế các bài toán như: Dự báo phụ tải, tính toán trào lưu công suất, phân tích sự cố ngẫu nhiên, tính toán ngắn mạch...; đầu tư xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Mỹ Khê là trạm kỹ thuật số đầu tiên tại Quảng Ngãi trong năm 2022; ra mắt Đội sửa chữa điện nóng số 2 trên địa bàn tỉnh đã góp phần giảm thời gian mất điện cho khách hàng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác QLKT, quản lý vận hành, áp dụng chính thức sổ Nhật ký vận hành điện tử, kiểm tra hiện trường trên phần mềm PMIS, sử dụng Phiếu công tác/Lệnh công tác điện tử trên phần mềm; đẩy mạnh triển khai phương pháp sửa chữa bảo dưỡng hướng theo tình trạng vận hành thiết bị (CBM), trước đây là sửa chữa bảo dưỡng thiết bị theo định kỳ hoặc khi hư hỏng mới sửa chữa, từ năm 2021 thực hiện sửa chữa bảo dưỡng căn cứ vào tình trạng vận hành thiết bị (CBM), thông qua các bộ số liệu theo dõi, đánh giá thường xuyên, định kỳ để đưa ra thời gian sửa chữa bảo dưỡng phù hợp, giảm thời gian mất điện cho khách hàng.



Về hoạt động kinh doanh dịch vụ khách hàng, đã triển khai đảm bảo mục tiêu hoàn thành 100% công tơ điện tử trên hệ thống điện Quảng Ngãi để đồng bộ với việc theo dõi, ghi chữ số qua hệ thống đo xa RF Spider; 100% dịch vụ điện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 trên cổng dịch vụ công Quốc gia và khách hàng tham gia giao dịch trực tuyến đạt trên 50%; các công việc giao tiếp tại hiện trường với khách hàng được thực hiện online; Trung tâm chăm sóc khách hàng ứng dụng AI để phân tích các yêu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hướng đến việc thay đổi nhận thức cho toàn thể cán bộ công

nhân viên trong Tập đoàn cùng chuyển dịch sang làm việc trên không gian số, hình thành văn hóa số tại EVN. Đồng thời, xây dựng các chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi số, hoàn thiện và xây dựng quy trình nghiệp vụ số, tiếp tục đẩy mạnh các đề án ứng dụng các thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Có thể nói, thực hiện chuyển đổi số là hướng đi phù hợp cho ngành Điện lực Quảng Ngãi để đẩy mạnh phát triển kinh doanh; tiết kiệm chi phí quản lý và tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp để đem đến các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của khách hàng ■

ĐẦU TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ MỚI VÀO SẢN XUẤT GIA TĂNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

 **HÀ ANH**

Đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất là giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm sức lao động, bảo vệ môi trường và đem lại kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Qua hơn 20 năm hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nội thất, Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất & Thương mại Phước An đã cung ứng các sản phẩm về nội thất cho thị trường trong nước và xuất khẩu với trên 150.000 sản phẩm/năm. Để đẩy mạnh phát triển kinh doanh, hàng năm Công ty luôn chú trọng đổi mới, cải tiến thiết bị, với nhiều chủng loại nguyên liệu và kiểu dáng sản phẩm. Hiện tại, công ty đã vận hành hệ thống hàn Robot Tig, dây chuyền khoan, phay 100% tự động CNC, uốn chân bán tự động NC, dây chuyền sơn tĩnh điện tự động công nghệ cao đã đi vào khai thác vào cuối năm 2018. Tuy nhiên,



Hệ thống điều khiển Tube pro 3000 của Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất & Thương mại Phước An.

☞ trong công đoạn cắt kim loại ống, hộp và vuông vẫn còn sử dụng phương pháp cũ như cắt bằng đá cắt, đĩa kim loại, lưỡi cắt nên có nhiều hạn chế như độ chính xác không cao, tính thẩm mỹ còn hạn chế; thời gian thực hiện chậm; không cắt được hình, góc đa dạng; lại tiêu hao nhiều vật liệu phụ và gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn.

Hiện nay, công nghệ cắt ống bằng tia laser có những ưu điểm vượt trội về độ chính xác cao; không cần nhiều nhân công; kết hợp nhiều công đoạn cùng lúc như mài, khoắc lỗ, cắt hình, cắt góc,...; khai thác nguyên liệu tối ưu; sản lượng cao; không gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn. Được sự hỗ trợ đầu tư của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, Công ty thực hiện dự án: “Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cắt ống kim loại”.

Dự án đầu tư máy cắt ống LASER FLT6016L với các thông số kỹ thuật: Nguồn laser 1000W Raycus, đầu cắt Raytools, kích thước ống Ø10-Ø160, kích thước ống vuông 15~150, chiều dài phôi 6000, khoảng cách trục X 220, khoảng cách trục Y 6050, khoảng cách trục Z 120, gia tốc 1.5G m/cm², tốc độ di chuyển tối đa X,Y 70



Máy cắt ống LASER FLT6016L của dự án “Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cắt ống kim loại”.

m/mim, tốc độ quay tối đa của chung 150 r/mim, chiều dài điểm cuối ≥ 75 (theo ống có thể khác nhau), kích thước máy 8900 x 1700 x 1300 mm, hệ thống điều khiển Tube pro 3000, Power C 14 Kw, điện năng tiêu thụ 380 V/50 hz V, ray trượt HIWIN,

Sau thời gian đi vào hoạt động cho thấy, với hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ hiện có để gia công sản phẩm inox khoảng 270 tấn/năm cho công đoạn cắt ống tốn chi phí điện tiêu hao là 63.558.000 đồng, chi phí nhân công là 680.400.000 đồng, chi phí nguyên phụ liệu là 14.641.150.000 đồng. Trong khi đó, với hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ sau khi được đầu tư để gia công sản phẩm inox khoảng 270 tấn/năm cho công đoạn cắt ống chỉ tốn chi phí điện tiêu hao là 7.128.000 đồng, chi phí nhân công là 97.200.000 đồng, chi phí nguyên phụ liệu là 13.626.900.000 đồng. Như vậy, so với hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ cũ thì hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ mới giảm 8,7% tổng chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp sau đầu tư đạt 68,7%.

Hơn nữa, thiết bị công nghệ mới hiện đại và tiến tiến được dự án đầu tư cho Công ty đã cho ra sản phẩm chính xác, đẹp, đa dạng, đồng bộ; điều khiển máy cắt ống tự động và bằng màn hình cảm ứng nên thao tác vận hành nhẹ nhàng, tiên tiến; rút ngắn thời gian sản xuất, tăng sản lượng và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tăng lên.

Đầu tư thiết bị công nghệ mới không những giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí nhân công, nguyên phụ liệu, điện năng, mà còn tăng giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường ■

Xây dựng và phát triển nhãn hiệu ĐEM LẠI HIỆU QUẢ CHO SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG

✍ MINH PHƯƠNG

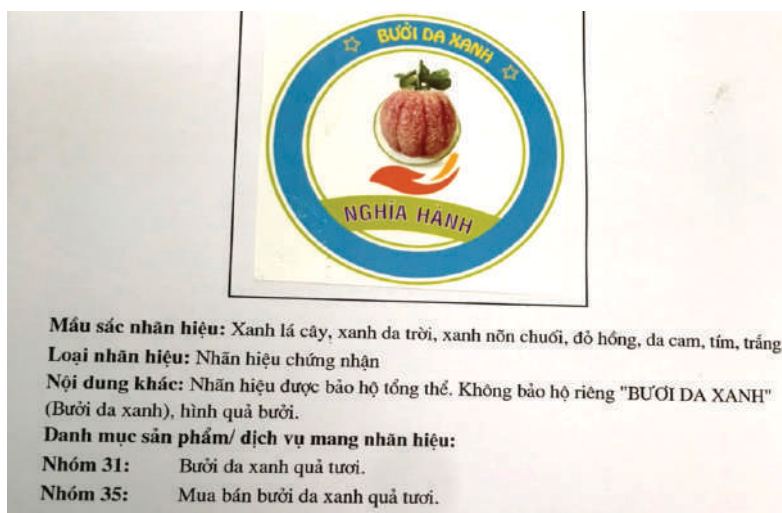
Để phát huy thế mạnh cho các sản phẩm đặc thù của địa phương thì việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho sản phẩm là hết sức cần thiết. Bởi đó chính là công cụ thật sự hiệu quả trong hỗ trợ để quảng bá hình ảnh của sản phẩm và kết nối tiêu thụ sản phẩm ra thị trường bên ngoài.



Với lợi thế của một địa phương có nhiều tiềm năng cũng như những điều kiện về địa lý, thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi để phát triển các loại cây ăn quả của tỉnh Quảng Ngãi cũng như phát triển các sản phẩm đặc thù, thời gian qua, huyện Nghĩa Hành đã tập trung xây dựng kế hoạch sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm cây ăn quả và các sản phẩm đặc thù trên địa bàn huyện nhằm khẳng định giá trị và thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm ở địa phương trên thị trường.

Năm 2020, huyện có bốn sản phẩm trái cây Nghĩa Hành là sầu riềng, chôm chôm, bưởi da xanh, chuối ngự đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công

nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu. Huyện đã tổ chức Hội thảo nhãn hiệu chứng nhận và ban hành “Quy chế quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Chôm chôm, Sầu riềng, Bưởi da xanh, Chuối ngự Nghĩa Hành” tại địa phương. Bên cạnh đó, UBND huyện đã tiến hành cấp giấy chứng nhận cho Hợp tác xã (HTX) Hành Nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm bưởi da xanh, sầu riềng, chôm chôm, chuối ngự Nghĩa Hành. Hiện tại, HTX Hành Nhân đã thực hiện đăng ký thành công tài khoản hệ thống đăng ký mã số, mã vạch quốc gia (VNPC); đồng thời, tiến hành ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm trái cây với doanh nghiệp của tỉnh để giải quyết đầu ra sản phẩm cho các thành viên của HTX.



☞ Được chứng nhận nhãn hiệu, trái cây Nghĩa Hành đã từng bước khẳng định vị trí, tạo được niềm tin cho người tiêu dùng và thuận lợi trong cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Hơn nữa, đây còn là cơ sở để địa phương hướng đến xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP và giúp người nông dân phát triển kinh tế từ cây trồng chính yếu của gia đình. Những năm qua, sầu riêng, chôm chôm, bưởi da xanh, chuối ngự đã trở thành những cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế, giúp người nông dân trên địa bàn huyện có nguồn thu nhập ổn định, bình quân khoảng 200 - 250 triệu đồng/hộ/ha/năm. Huyện Nghĩa Hành hiện có 740 ha cây ăn quả các loại; trong đó sầu riêng 98 ha, chôm chôm 39 ha, bưởi da xanh 115 ha, chuối ngự 16 ha... và đều là những cây ăn quả chủ lực, tập trung ở các xã Hành Minh, Hành Nhân, Hành Thiện, Hành Tín Đông...

Ngoài ra, huyện Nghĩa Hành còn có 02 nhãn hiệu tập thể đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, đó là nhãn hiệu tập thể Làng nghề chổi đót Hành Thuận và nhãn hiệu tập thể Làng nghề cây cảnh Nghĩa Hành. Nhãn hiệu tập thể Làng nghề chổi đót Hành Thuận được HTX Hành Thuận làm đơn vị quản lý nhãn hiệu và HTX Hành Thuận đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể “Chổi đót Hành Thuận”. Nhãn hiệu tập thể Làng nghề cây cảnh Nghĩa Hành được Hội Nông dân xã Hành Đức làm đơn vị quản lý nhãn hiệu và đến nay Hội Nông dân xã Hành Đức cũng đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể.

Ông Lê Duy Nghĩa, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện cho biết: Sau khi 04 sản phẩm trái cây Nghĩa Hành là sầu riêng, chôm chôm, bưởi da xanh, chuối ngự và 02 nhãn hiệu tập thể Làng nghề chổi đót Hành Thuận, Làng nghề cây cảnh Nghĩa Hành được Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận



đăng ký nhãn hiệu thì chất lượng, giá trị của sản phẩm tăng lên từ 2 đến 3 lần; làm thay đổi nhận thức của người dân trong việc sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa có giá trị cao, tạo nên chuỗi sản xuất, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập; đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng của từng địa phương, tạo nên hệ sinh thái ổn định, phát triển kết hợp với phát triển du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, việc xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm đặc thù của huyện Nghĩa Hành có khó khăn, hạn chế từ chính sách, cơ chế đến các hoạt động tổ chức quản lý, khai thác giá trị của thương hiệu trên thị trường nên chưa phát huy hết so với tiềm năng; vì thế địa phương cần có những giải pháp, chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy, nâng cao giá trị, hiệu quả của hoạt động xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận trong thời gian đến.

Có thể thấy rằng, xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm đặc thù sẽ từng bước thúc đẩy sức cạnh tranh cũng như giá trị cho các nông đặc sản của địa phương; từng bước khẳng định vai trò, giá trị trong sản xuất, thương mại đối với sản phẩm nông thôn và tích cực xây dựng nông thôn mới, hoàn thành thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm của quốc gia ■

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP

✍ PHƯƠNG NGUYỄN

Ngày 31/5/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Theo đó, Thông tư áp dụng đối với các doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Cụ thể, về quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp

- Có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Khoa học và Công nghệ.

- Thông báo việc thành lập Quỹ cho cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế trong vòng 30 ngày kể từ ngày thành lập Quỹ.

- Xây dựng, phê duyệt và gửi Quy chế đề xuất, xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp cùng thời điểm nộp báo cáo trích, sử dụng Quỹ trong kỳ trích lập đầu tiên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

- Báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ gửi về các cơ quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra việc quản lý

và sử dụng Quỹ theo quy định pháp luật.

Về quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

- Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN), bao gồm các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp.

- Chi hỗ trợ phát triển KH&CN của doanh nghiệp gồm: trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; mua quyền sử dụng, quyền sở hữu bí quyết công nghệ, quy trình công nghệ, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh; chi đào tạo nhân lực KH&CN của doanh nghiệp; ...

- Chi thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ gồm: chi thực hiện dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn đầu tư; chi đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ; chi mua sắm, nhập khẩu vật mẫu;...

- Chi các nội dung phục vụ trực tiếp hoạt động quản lý Quỹ: chi lương và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, BHYT và các khoản đóng góp cho cán bộ phục vụ trực tiếp hoạt động quản lý Quỹ theo quy định; chi phụ cấp cho các cán bộ kiêm nhiệm; chi thuê trụ sở làm việc;...

Doanh nghiệp nhà nước đã trích Quỹ theo quy định pháp luật về thuế, nếu Quỹ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% số Quỹ đã trích lập kể cả nhận điều chuyển (nếu có) trong thời gian 05 năm kể từ năm trích lập hoặc nhận điều chuyển thì phải nộp một phần Quỹ chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, địa phương, số tiền nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Quốc gia, bộ, địa phương được xác định tối thiểu bằng 20% số Quỹ đã trích lập không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% số Quỹ đã trích lập kể cả nhận điều chuyển (nếu có). Số tiền trích lập Quỹ và số tiền Quỹ đã sử dụng được quy định tại pháp luật về thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và áp dụng cho việc sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kỳ tính thuế thu nhập

doanh nghiệp năm 2022.

Các Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 15 và Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực ■

KỸ THUẬT CANH TÁC BẮP CẢI THEO HƯỚNG AN TOÀN SINH HỌC

✍ MINH NGUYỄN



Việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) có nguồn gốc hóa học và không đảm bảo thời gian cách ly là nguyên nhân khiến dư lượng thuốc BVTV trong sản phẩm rau vượt quá mức cho phép, làm ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Hơn nữa, khi sử dụng thuốc BVTV, người sản xuất chú trọng đến thuốc có nguồn gốc hóa học mà chưa quan tâm đến sử dụng thuốc có nguồn gốc sinh học. Là nội dung thuộc đề tài KH&CN

“Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”, mô hình canh tác bắp cải theo hướng an toàn sinh học, vụ Đông Xuân 2021-2022 được Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN phối hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh đã giúp người nông dân hướng đến giải pháp canh tác an toàn, góp phần giảm chi phí sản xuất. ✍

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu đến bà con kỹ thuật canh tác bắp cải theo hướng an toàn sinh học.

1. Thời vụ trồng

Tại Quảng Ngãi cây bắp cải được trồng vào những tháng có nhiệt độ thấp. Vụ chính: Trồng vào cuối tháng 9, đầu tháng 10. Vụ muộn: Trồng vào tháng 11 đến giữa tháng 12.

2. Giống

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều giống bắp cải. Nên mua các giống có nguồn gốc rõ ràng, tại các cửa hàng, đại lý kinh doanh hợp pháp. Một số loại giống bắp cải phổ biến hiện nay: TN5, TN6, CB 26, Bắp cải F1 Early Season GM78...

3. Vườn ươm



Vườn ươm giống.

Làm đất kỹ, lên luống cao 25-30 cm, rộng 80-100 cm, bón lót 500 kg phân chuồng + 5-6 kg phân lân + 01 kg trichoderma, rải đều phân lên mặt luống, đảo đều đất và phân, vét đất ở rãnh phủ lên mặt luống dày 1,5-2 cm.

Hạt giống trước khi gieo phải ngâm vào nước ấm 3 sôi, 2 lạnh trong 20 phút, sau đó ngâm nước lạnh từ 8-10 giờ trước khi gieo. Lượng hạt gieo 1,5-2,0 g/m². Gieo xong có thể phủ lên một lớp rạ dày 1-2 cm, sau đó tưới nước. Trong 3-5 ngày sau gieo tưới 1-2 lần/ngày, khi hạt nảy mầm nhô lên khỏi mặt đất ngừng tưới 1-2 ngày, sau đó cứ 2 ngày tưới 1 lần.

Nhỏ tía cây bệnh, cây không đúng giống,

để mật độ 3-4 cm. Sau khi gieo khoảng 12-15 ngày dùng 02 kg DAP hòa loãng tưới.

Trước khi nhổ cây từ vườn ươm sang trồng cần tưới đẫm nước trước 01 ngày.

Tiêu chuẩn cây giống tốt: Phiến lá tròn, đốt sít, mập, lùn. Cây có 5-6 lá thật thì nhổ trồng.

4. Làm đất, trồng cây ruộng sản xuất

Chuẩn bị đất trồng: Chọn đất cát pha thịt nhẹ, nhiều mùn, tầng canh tác dày, thoát nước tốt để thoát nước, tưới tiêu chủ động.

Đất được cày bừa kỹ, nhặt sạch cỏ dại, phơi ải trước khi trồng 5-7 ngày, kết hợp xử lý vôi để tiêu diệt mầm mống sâu bệnh với lượng vôi 40 kg vôi/sào, rải đều vôi trên mặt ruộng lúc làm đất.

Làm tơi đất lên luống rộng 1,2 m, cao 20-25 cm, rãnh rộng 30 cm, vét rãnh thoát nước xung quanh ruộng để chủ động tưới, tiêu nước. Rải đều phân bón lót trên mặt luống đảo đều đất và phân, vét đất ở rãnh phủ lên mặt luống.

Phủ bạt: Sau khi bón lót, tưới nước trên mặt luống dùng bạt kích cỡ 1,4 m, kéo căng, dùng ghim tre ghim thật chặt hoặc đắp đất giữ bạt, dùng dụng cụ đục lỗ, đường kính 7-8 cm, sâu 2-3 cm, khoảng cách các cách giữa 02 hàng lỗ 60 cm, khoảng cách giữa các lỗ 35 cm.

Mật độ trồng trồng hai hàng kiềng nanh sáu, hàng x hàng 60 cm, cây x cây 35 cm, mật độ trồng 33.000-35.000 cây/ha.

5. Chăm sóc, bón phân

5.1. Bón phân

Sử dụng loại phân có quyết định phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam. Đối với phân vô cơ cần bón đủ liều lượng phân đạm theo quy trình kỹ thuật cho mỗi loại rau, tránh bón phân đạm quá mức; đừng bón đạm trước khi thu hoạch ít nhất 10 ngày. Không sử dụng các loại phân hữu cơ chưa hoai để bón cho rau.

Tổng lượng phân bón cho 01 ha:

Phân chuồng: 10-15 tấn (nếu không có phân chuồng có thể thay thế bằng phân hữu cơ)

☞ cơ vi sinh, lượng dùng 2,7-3 tấn/ha).

- Vôi: 800 kg

- Trichoderma (loại dùng bón trực tiếp): 40kg

- Phân lân: 500 kg

- Phân urê: 200 kg

- Phân Kali: 180 kg

(Quy thành phân nguyên chất: 80 kg P_2O_5 + 92 kg N + 108 kg K_2O)

* Cách bón:

Bón lót: Toàn bộ lượng phân chuồng + 500 kg phân lân + 40kg Urê + 36 kg kali

(Quy thành phân nguyên chất: 80 kg P_2O_5 + 18,4 kg N + 21,6 kg K_2O)

Lượng còn lại chia làm 3 lần bón thúc:

Thúc lần 1: Sau trồng 10-15 ngày, lượng phân: 40 kg urê + 36 kg kali

(Quy thành phân nguyên chất: 18,4 kg N + 21,6 kg K_2O)

Thúc lần 2: Thời kỳ trải lá bàng (25-30 ngày sau trồng), lượng phân: 60 kg Urê + 54 kg kali.

(Quy thành phân nguyên chất: 27,6 kg N + 32,4 kg K_2O)

Thúc lần 3: Thời kỳ bắt đầu vào cuốn (45-50 ngày sau trồng), lượng phân: 60 kg Urê + 54 kg kali.

(Quy thành phân nguyên chất: 27,6 kg N + 32,4 kg K_2O)

Chú ý: Tùy chân ruộng và tình hình sinh trưởng của cây có thể tăng hoặc giảm lượng phân cho phù hợp.

Phương pháp bón: Giở màng phủ lên bón hai bên mép luống sau đó đưa nước vào luống.

5.2. Chăm sóc

Sau khi trồng, tưới ẩm sau đó tưới đều hàng ngày cho tới khi hồi xanh, sau đó 3-5 ngày tưới 1 lần tùy thuộc vào độ ẩm đất.

Các đợt bón thúc đều phải kết hợp tưới nước. Khi tưới rãnh, để nước ngấm 2/3 luống phải tháo hết nước.

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng phát hiện sâu bệnh, cỏ dại để có biện pháp phòng, trừ kịp thời.

6. Quản lý dịch hại

Trên cây bắp cải thường gặp các loại dịch hại chủ yếu sau: Sâu khoang (*Spodoptera litura*), sâu tơ (*Plutella xylostella*), rệp (*Brevicoryne brassicae*), sâu xám (*Agrotis ypsilon*), bệnh lở cổ rễ (*Rhizoctonia solani*), bệnh thối nhũn vi khuẩn (*Erwinia carotovora* sp), bệnh cháy lá vi khuẩn (*Xanthomonas campestris*). Cần áp dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp.

6.1. Biện pháp canh tác

Để hạn chế sâu bệnh hại có thể luân chuyển và gây hại nặng, không nên trồng liên tục nhiều vụ cùng họ cải trên cùng một chân đất. Nên luân canh với các loại cây trồng khác họ như: Xà lách, rau dền, mồng tơi hoặc rau gia vị...

Thường xuyên tưới đủ ẩm để hạn chế sự phát triển của bọ nhảy sống ở phần gốc cây dưới đất.

Vệ sinh đồng ruộng: Làm sạch cỏ trong đồng ruộng và cỏ bờ để hạn chế sự cư trú của các sâu bệnh, sau thu hoạch nên thu gom tàn dư, vệ sinh đồng ruộng.

6.2. Biện pháp thủ công

Thăm ruộng thường xuyên nếu thấy xuất hiện các sâu, bệnh hại như trứng sâu khoang, sâu xanh, bướm trắng, bệnh thối nhũn... có thể dùng tay bắt giết, nhổ bỏ cây bệnh để hạn chế sự lây lan. Các cây, lá bệnh khi nhổ bỏ không vứt ở ruộng và gần bờ mà cần gom tiêu hủy (gom đốt hoặc đào hố chôn có rải vôi bột khử trùng, hay đem ủ phân đúng kỹ thuật).

* Đặt bã chua ngọt để bẫy trưởng thành sâu tơ, sâu khoang, sâu xám

- Thiết kế hộp bẫy:

+ Sử dụng các lọ nhựa dung tích 01 lít, đường kính 9-10 cm, cao 13-15 cm để đựng bã mỗi, trên thành hộp khoét 4 lỗ tròn ở vị trí giữa thành hộp với đường kính 3cm để trưởng thành sâu khoang, sâu tơ bay vào.

+ Giá treo được làm bằng tre, đóng hình chữ L, có chiều cao 50-60 cm làm trụ, trên đầu có thanh ngang từ 25-30 cm để buộc bẫy. ☞



Đặt bã chua ngọt.

- Cách đặt bã:

+ Trước khi tiến hành đặt bã từ 3 - 4 ngày thì tiến hành làm bã chua ngọt theo tỷ lệ các thành phần như sau: 4 phần mật (đường) trộn với 4 phần dấm, một phần rượu và một phần nước, khuấy kỹ để dung dịch này tan đều. Cho hỗn hợp vào xô nhựa, đậy kín, chờ 3 - 4 ngày sau, khi thấy dung dịch bốc mùi chua ngọt thì trộn thêm thuốc trừ sâu.

+ Liều lượng cứ 1 lít bã dung dịch chua ngọt cho 0,5g thuốc trừ sâu Regent 800WG, khuấy đều hỗn hợp xong đem ra sử dụng. Lượng sử dụng cho mỗi hộp bẫy từ 0,1 - 0,15 lít bã chua ngọt. Treo bẫy vào thanh ngang, sao cho bẫy ngang với tầm cao nhất của cây (chú ý không để hộp bẫy bị nghiêng). Duy trì đặt bẫy trong suốt 01 vụ bắp cải.

+ Định kỳ 7 ngày thay bã 01 lần.

+ Số lượng bẫy 10 bẫy/500m². Đặt phân bố đều trên ruộng.

6.3. Biện pháp sinh học

- Bảo vệ thiên địch của sâu hại rau: Các loài bọ rùa ăn rệp ăn, bọ đuôi kìm, các loài ong ký sinh trên trứng, sâu non, nhộng của sâu hại; các loài nấm đối kháng: Trichoderma, Beauveria...

- Nhân thả bọ đuôi kìm để phòng trừ sâu.

6.4. Biện pháp dùng thuốc BVTV

Cần thường xuyên điều tra đồng ruộng để phát hiện sâu bệnh gây hại kịp thời, khi phát hiện sâu bệnh vượt qua ngưỡng gây hại ảnh hưởng đến kinh tế mà 3 biện pháp trên

không khống chế được, thì lúc đó mới nên sử dụng thuốc BVTV phun, ưu tiên các loại thuốc có nguồn gốc sinh học trước.

Khi sử dụng thuốc BVTV trên cây rau cần phải tuân thủ theo nguyên tắc “4 đúng” đó là: đúng thuốc, đúng nồng độ, đúng lúc và đúng cách. Cần tuân thủ thời gian cách ly đối với từng loại thuốc để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng.

7. Thu hoạch và bảo quản

7.1. Thu hoạch

Thu khi bắp đã cuộn chắc, chặt, mặt bắp mịn, lá xếp phẳng và căng, loại bỏ lá gốc, lá bị bệnh. (Thu hoạch non có thể dẫn tới bắp cải bị héo và ngược lại nếu thu hoạch muộn có thể gây ra hiện tượng nứt bắp cải).

Bắp cải được thu hoạch từ đất ẩm ướt không thích hợp để bảo quản và do đó phải dùng tưới ít nhất 10-15 ngày trước khi thu hoạch. Bắp cải phải được thu hoạch trong thời tiết khô. Nếu thu hoạch bắp cải trong thời tiết ướt thì phải để khô trước khi bảo quản.

Cuống bắp cải phải được cắt ngay dưới điểm thấp nhất của lá; lá phải bám chắc vào cuống và vết cắt phải sạch.

7.2. Bảo quản

Trước khi bảo quản, tốt nhất là loại bỏ các lá bên ngoài đã vàng hoặc đã hỏng. Không để dính bùn đất hoặc úng nước.

Bắp cải khi bảo quản đặt ở nơi có mái che tránh nước hoặc ngưng tụ hơi nước ■



Thu hoạch bắp cải.

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT Ủ CHUA THÂN LÁ CÂY LẠC LÀM THỨC ĂN CHO GIA SÚC

 ANH KHUÊ

Để giúp bà con có đủ nguồn thức ăn phục vụ chăn nuôi, nhất là để dự trữ trong mùa đông, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tịnh đã phối hợp với Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ hướng dẫn các hộ dân ở xã Tịnh Thọ tận dụng thân và lá cây đậu phụng sau thu hoạch thực hiện thành công mô hình ủ chua thân lá cây đậu phụng để làm thức ăn cho gia súc. Sau đây, chúng tôi sẽ giới thiệu với bà con về kỹ thuật này.

* Chuẩn bị thân cây lạc:

- Thân cây lạc sau khi thu hoạch củ được cắt bỏ phần gốc già (bỏ đi khoảng 10 - 15cm sau đó băm nhỏ đến 3 - 4cm.

- Băm xong để hong trong bóng râm tránh bị ủng vàng rồi tiến hành ủ ngay trong 1 - 2 ngày.

- Khi ủ cây lạc cần bổ sung bột sắn, hay cám gạo hoặc bột ngô và muối ăn theo tỷ lệ sau: Cứ 100kg thân lá lạc cần bổ sung 6 - 7kg bột sắn (cám hoặc bột ngô) + 0,5kg muối ăn.

* Chuẩn bị hố ủ:

- Nên dùng hố ủ là hố đất, đắp nửa nổi, nửa chìm ở nơi khô ráo, không có nước ngầm thấm vào để giá thành rẻ.

- Kích cỡ hố ủ cần tính toán sao cho vừa đủ lượng thân lá lạc cần ủ. Nếu dung tích hố ủ là 1m³ sẽ ủ được 400 - 500kg thân lá lạc. Nên làm hố tròn có đường kính khoảng 1m, đào sâu 1m và đắp cao thêm 0,4m (Hố ủ này có dung tích 1,1m³ và ủ được khoảng 440 - 480 kg thân lá lạc).

- Thân lá lạc ủ chua trong điều kiện không có khí, nên cần đầm nén thật chặt, thành hố ủ cần lót lá chuối tươi, nilon cho thật kín và tránh nước ngầm thấm vào.

* Tiến hành ủ:



Thức ăn cho gia súc được ủ chua từ thân lá cây đậu phụng.

Kể từ lúc thu hoạch cây lạc đến lúc băm xong và ủ không nên để lâu quá 2 ngày. Vì lạc sẽ bị ủng, hư hỏng, chất lượng thức ăn ủ sẽ giảm đi.

Thân cây lạc không được rửa ướt, nếu có dính đất và sỏi đá thì rũ khô loại bỏ đất đá. Lót kỹ đáy và ủ bằng 1 - 2 lớp lá chuối tươi hoặc tấm áo mưa hỏng, bao tải dứa cũ hay tấm ni lon để đất cát không lẫn vào thức ăn ủ.

Cho từng lớp dày chừng 10 - 15cm, rắc đều bột sắn đã trộn với muối theo tỷ lệ nêu trên lên lớp thân cây lạc rồi dùng chân nén kỹ, nén càng kỹ càng tốt. Lần lượt cho các lớp khác và lại nén tương tự như nêu ở trên.

Khi hố ủ đã thật đầy, che phủ hố ủ bằng lá chuối tươi hay bao tải dứa hoặc nilon cho kín và lấp một lớp đất dày 40 - 50cm. Đầm nén thật chặt lớp đất và tạo thành mai rùa để nước mưa không thấm vào hố ủ. Sau khi ủ 3 - 5 ngày để đóng ủ ngót xuống lại cho thêm đất và đầm nén chặt. Sau đó dùng rơm, rạ đánh đồng phủ lên trên một lớp dày 50 - 60 cm để che mưa. Nhưng cũng luôn kiểm tra chống chuột đào bới hố ủ.

Ủ sau 50 - 60 ngày mới có thể dùng cho gia súc ăn. Nếu chưa cần dùng đến có thể để lâu hơn (thậm chí hàng năm), chất lượng tốt hơn ■

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÀ ĐỘNG LỰC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

✍ ÁI KIỀU

Vừa qua, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

Trong 10 năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đơn vị và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tập trung phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn 2012 - 2021, nguồn kinh phí ngân sách chi cho sự nghiệp KH&CN là 206 tỷ đồng và đã huy động nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân ngoài ngân sách tham gia hơn 296 tỷ đồng đồng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 15 đơn vị sự nghiệp và tổ chức KH&CN; 06 doanh nghiệp KH&CN cùng 03 tổ chức KH&CN công lập của tỉnh. Số cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 1.502 người, đạt 12 cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên 1 vạn dân. Đã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện 113 nhiệm vụ KH&CN.

Các chương trình KH&CN bước đầu đã phát huy hiệu quả vào sản xuất, đóng góp quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp; từng bước đưa doanh nghiệp của tỉnh tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào sản xuất kinh doanh.



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Đặng Ngọc Huy phát biểu chỉ đạo tại hội nghị.

Đề KH&CN thật sự trở thành động lực chính của sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Đặng Ngọc Huy yêu cầu các cấp, ngành, các địa phương tăng cường trách nhiệm của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức và sự tham gia của toàn xã hội đối với KH&CN và đổi mới sáng tạo.

Kiến toàn và nâng cao năng lực hệ thống quản lý nhà nước về KH&CN từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường nguồn lực cho KH&CN. Sở KH&CN phải thực sự là đầu mối kết nối các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân với các viện, trường, các nhà khoa học. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thực hiện có hiệu quả các đề tài, dự án hỗ trợ doanh nghiệp cũng như các hoạt động KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững ở miền núi, hoạt động KH&CN phục vụ triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, các hoạt động khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài “Xây dựng từ điển điện tử tiếng đồng bào dân tộc thiểu số Việt – Hrê, Việt - Co”.



Tọa đàm “Vẻ đẹp của sự sáng tạo” tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.



Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài “Nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân vô sinh và xây dựng mô hình dự phòng, can thiệp điều trị bệnh tại tỉnh Quảng Ngãi”.



Hội thảo “Hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi - Kết nối, vươn tâm”.



Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước gắn với nâng cao hiệu quả mô hình vị trí việc làm tại tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030”.



Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài “Đánh giá khả năng phát triển Khu công nghiệp sinh thái tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030”.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

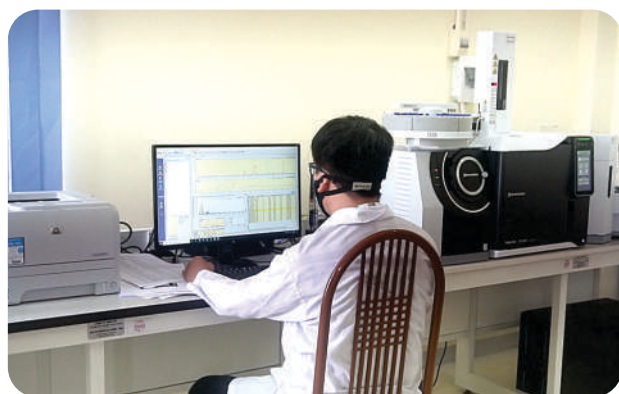
Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống lợn Kiềng Sắt.



Hệ thống máy sắc ký khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're.



Kiểm định công tơ điện.



Vườn cây bưởi da xanh.